SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ;
Thời gian ký: 24/12/2024 10:25:18 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2992 /QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 23 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 1790-QĐ/TU ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về biên chế chính quyền địa phương cấp thành phố, cấp huyện; đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao 1.837 *(một nghìn tám trăm ba mươi bảy)* biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính năm 2025 của thành phố Cần Thơ, cụ thể:

1. Biên chế công chức thành phố: 1.111 biên chế.

2. Biên chế công chức quận, huyện: 726 biên chế.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Thông báo và hướng dẫn cơ quan, tổ chức hành chính cấp thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện quản lý, sử dụng số lượng biên chế công chức được giao theo đúng quy định;

b) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thanh tra, kiểm tra đối với cơ quan, tổ chức hành chính cấp thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện về quản lý, sử dụng biên chế công chức.

2. Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm:

a) Bố trí công chức trong phạm vi biên chế công chức được giao theo đúng quy định và vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quản lý, sử dụng có hiệu quả chỉ tiêu biên chế công chức được giao; đồng thời, tiếp tục thực hiện tốt công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn hiệu quả, gắn với tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2026 và tinh giản biên chế theo chủ trương quy định, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật, Kế hoạch của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Ban Pháp chế HĐND TP;
- Văn phòng UBND TP (2,3EA,4);
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, M.h.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Việt Trường

Phụ lục

GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2992 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao biên chế công chức năm 2025
1	*2*	*3*
	TỔNG CỘNG	**1,837**
I	**Thành phố**	**1,111**
1	**Hội đồng nhân dân thành phố**	**38**
1.1	Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân thành phố	10
1.2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố	28
2	**Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố**	**82**
3	**Thanh tra thành phố**	**34**
4	**Sở Tư pháp**	**37**
5	**Sở Y tế**	**65**
5.1	Văn phòng và các phòng chuyên môn	39
5.2	Chi cục Dân số - kế hoạch hóa gia đình	12
5.3	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	14
6	**Sở Tài chính**	**58**
7	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**	**54**

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao biên chế công chức năm 2025
1	*2*	*3*
8	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**61**
9	**Sở Thông tin và Truyền thông**	**25**
10	**Sở Khoa học và Công nghệ**	**41**
10.1	Văn phòng và các phòng chuyên môn	29
10.2	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	12
11	**Sở Giao thông vận tải**	**82**
11.1	Văn phòng và các phòng chuyên môn	53
11.2	Thanh tra	29
12	**Sở Công Thương**	**50**
13	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	**106**
13.1	Văn phòng và các phòng chuyên môn	32
13.2	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	13
13.3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	12
13.4	Chi cục Thủy sản	12
13.5	Chi cục Thủy lợi	12
13.6	Chi cục Phát triển nông thôn và kiểm lâm	13
13.7	Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm và thủy sản	12
14	**Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ**	**22**
15	**Sở Ngoại vụ**	**19**

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao biên chế công chức năm 2025
1	*2*	*3*
16	**Sở Xây dựng**	**71**
16.1	Văn phòng và các phòng chuyên môn	53
16.2	Thanh tra Sở Xây dựng	18
17	**Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**	**57**
18	**Sở Tài nguyên và Môi trường**	**58**
18.1	Văn phòng và các phòng chuyên môn	33
18.2	Chi cục Quản lý đất đai	12
18.3	Chi cục Bảo vệ môi trường	13
19	**Sở Nội vụ**	**74**
19.1	Văn phòng và các phòng chuyên môn	49
19.2	Ban Tôn giáo	13
19.3	Ban Thi đua - Khen thưởng	12
20	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**	**54**
21	**Ban Dân tộc**	**16**
22	**Văn phòng Ban An toàn giao thông**	**6**
23	**Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố**	**1**
II	**Cấp huyện**	**726**
1	**Quận Ninh Kiều**	**106**
1.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	24

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao biên chế công chức năm 2025
1	*2*	*3*
1.2	Phòng Nội vụ	8
1.3	Phòng Tư pháp	6
1.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	13
1.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	9
1.6	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	6
1.7	Phòng Văn hóa và Thông tin	5
1.8	Phòng Giáo dục và Đào tạo	10
1.9	Phòng Kinh tế	7
1.10	Phòng Quản lý đô thị	11
1.11	Thanh tra	5
1.12	Phòng Dân tộc	2
2	**Quận Bình Thủy**	**81**
2.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	21
2.2	Phòng Nội vụ	6
2.3	Phòng Tư pháp	4
2.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	9
2.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	9
2.6	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	5
2.7	Phòng Văn hóa và Thông tin	4

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao biên chế công chức năm 2025
1	*2*	*3*
2.8	Phòng Giáo dục và Đào tạo	6
2.9	Phòng Kinh tế	6
2.10	Phòng Quản lý đô thị	7
2.11	Thanh tra	4
3	**Quận Cái Răng**	**82**
3.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	21
3.2	Phòng Nội vụ	6
3.3	Phòng Tư pháp	5
3.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	8
3.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	7
3.6	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	6
3.7	Phòng Văn hóa và Thông tin	4
3.8	Phòng Giáo dục và Đào tạo	8
3.9	Phòng Kinh tế	6
3.10	Phòng Quản lý đô thị	7
3.11	Thanh tra	4
4	**Quận Ô Môn**	**78**
4.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	17
4.2	Phòng Nội vụ	6

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao biên chế công chức năm 2025
1	*2*	*3*
4.3	Phòng Tư Pháp	4
4.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	8
4.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	6
4.6	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	6
4.7	Phòng Văn hóa và Thông tin	4
4.8	Phòng Giáo dục và Đào tạo	8
4.9	Phòng Kinh tế	6
4.10	Phòng Quản lý đô thị	6
4.11	Thanh tra	4
4.12	Phòng Dân tộc	3
5	**Quận Thốt Nốt**	**79**
5.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	22
5.2	Phòng Nội vụ	7
5.3	Phòng Tư pháp	4
5.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	7
5.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	6
5.6	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	6
5.7	Phòng Văn hoá và Thông tin	4
5.8	Phòng Giáo dục và Đào tạo	8

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao biên chế công chức năm 2025
1	*2*	*3*
5.9	Phòng Kinh tế	6
5.10	Phòng Quản lý đô thị	5
5.11	Thanh tra	4
6	**Huyện Phong Điền**	**74**
6.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	19
6.2	Phòng Nội vụ	7
6.3	Phòng Tư pháp	4
6.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	7
6.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	5
6.6	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	5
6.7	Phòng Văn hóa và Thông tin	5
6.8	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6
6.9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	7
6.10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	5
6.11	Thanh tra	4
7	**Huyện Cờ Đỏ**	**74**
7.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	14
7.2	Phòng Nội vụ	8
7.3	Phòng Tư pháp	4

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao biên chế công chức năm 2025
1	*2*	*3*
7.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	7
7.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	5
7.6	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	6
7.7	Phòng Văn hóa và Thông tin	4
7.8	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5
7.9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	9
7.10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	6
7.11	Thanh tra	3
7.12	Phòng Dân tộc	3
8	**Huyện Thới Lai**	**76**
8.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	17
8.2	Phòng Nội vụ	7
8.3	Phòng Tư pháp	5
8.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	7
8.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	5
8.6	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	6
8.7	Phòng Văn hóa và Thông tin	4
8.8	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5
8.9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	7

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao biên chế công chức năm 2025
1	*2*	*3*
8.10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	6
8.11	Thanh tra	4
8.12	Phòng Dân tộc	3
9	**Huyện Vĩnh Thạnh**	**76**
9.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	16
9.2	Phòng Nội vụ	7
9.3	Phòng Tư pháp	5
9.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	7
9.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	6
9.6	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	6
9.7	Phòng Văn hóa và Thông tin	4
9.8	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5
9.9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	9
9.10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7
9.11	Thanh tra	4